TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1143/2024/HC-PT
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện, hành vi hành chính, quyết định hành chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

C*ác Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 327/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2024, về *"Khiếu kiện, hành vi hành chính, quyết định hành chính về quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2747/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị N, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh: ông Trịnh Văn Đ – Trưởng phòng TN&MT huyện B (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho Ủy ban nhân dân xã L: ông Hồ Thanh H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L: ông Nguyễn Văn D – Cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã L (có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Người khởi kiện bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Lê Thị N *trình bày:*

Ngày 28/3/2022, Công an xã L tạm giữ toàn bộ số gỗ tràm của bà Lê Thị N đã bán cho ông M. Số gỗ cây tràm này bà N trồng bờ kênh L giáp các thửa đất thửa đất 4, 5, 7, 8, tại ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh từ năm 2017. Khi trồng phía UBND xã L không ai có ý kiến.

Ngày 26/9/2023, bà N khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã L về việc yêu cầu UBND xã L trả lại số cây tràm bị thu giữ; yêu cầu được tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại. Ngày 14/10/2022, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của bà N.

Ngày 04/11/2022, bà N khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B, yêu cầu: hủy bỏ Quyết định số 163, yêu cầu UBND xã L trả lại số cây tràm bị thu giữ; yêu cầu không cản trở bà N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại. Ngày 14-3-2023, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của bà N.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã L và Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện B;

- Yêu cầu UBND xã L trả lại số cây tràm bị thu giữ; yêu cầu không cản trở bà N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại.

Tại Văn bản số 598/UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã L*, Chủ tịch* UBND xã L*, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; Tại Văn bản số 838/UBND ngày 06/6/2023 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân huyện B*, thể hiện:*

Toàn bộ phần diện tích cây tràm bà N đã bán cho ông M 5.431,6 m^2, trong đó đã cưa 3.072,4 m^2, chưa cưa 2.359,2 m^2, thuộc một phần thửa ký hiệu T1, tờ bản đồ số 31, diện tích 11.031,5 m^2 là phần đất bờ kênh và con kênh do UBND xã quản lý không phải đất của bà N. Việc bà N cho là bà bán số cây tràm trong phạm vi một phần diện tích thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là không đúng.

Số cây tràm mọc trên bờ kênh mà bà N đã bán cho ông M bị Công an xã L bắt và tạm giữ là do cây phân tán tự mọc, qua xác minh không có cơ sở cho rằng bà N trồng.

Căn cứ vào bản đồ địa chính chính quy hệ tọa độ VN-2000 và Sổ Mục kê do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T phê duyệt ngày 18/9/2008, thể hiện phần đất con kênh và bờ kênh này thuộc một phần thửa đất có ký hiệu T1, thuộc tờ bản đồ số 31 là đất thủy lợi do UBND xã L quản lý. Theo khoản 4, Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, quy định *"Tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà ở, công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở; nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật Nhà ở; công trình xây dựng khác; cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng hoặc vật khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật".* Do vậy, cây tràm trên thửa đất T1 do UBND xã L quản lý mà bà N tự ý bán cho ông M khai thác là vi phạm tài sản do UBND xã L quản lý.

Chủ tịch U có nhận đơn khiếu nại đề ngày 26/09/2022 về việc khiếu nại yêu cầu trả lại cho bà N toàn bộ số cây tràm do Công an xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh thu giữ vào ngày 28/03/2022 và yêu cầu được tiếp tục thu hoạch số cây gỗ tràm còn lại trên đất bờ kênh giáp với phần diện tích đất của bà N. Chủ tịch UBND xã L đã tổ chức đối thoại, sau đó ban hành Quyết định số: 163/QĐ-UBND, ngày 14/10/2022 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Lê Thị N là đúng quy định pháp luật.

Ngày 04/11/2022, bà N có đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND huyện B cũng với nội dung nêu trên. Ngày 14/3/2022, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 509/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà N.

Từ những vấn đề nêu trên, UBND xã L, Chủ tịch UBND xã L, Chủ tịch UBND huyện B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 166 của Luật đất đai; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị N về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 14-3-2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả lại số cây tràm bị thu giữ;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân không cản trở chị Lê Thị N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 12/10/2023, người khởi kiện bà Lê Thị N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Nội dung kháng cáo:

Nguồn gốc đất bờ kênh nơi trồng cây tràm là của cha mẹ bà, khi nhà nước có chủ trương móc kênh ngang phần đất của cha mẹ khi đó trồng cây ăn trái là mít, điều thì cũng không có ai đền bù cho cha mẹ bà. Khi cha bà mất năm 2008 thì phần đất này do bà quản lý.

Quá trình UBND xã L, UBND huyện B giải quyết chỉ xác minh người làm chứng là ông H1 và căn cứ lời khai của ông H1 để cho rằng bà không phải là người trồng cây tràm là không bảo đảm quyền lợi cho bà.

Người bị kiện trình bày có thu lại 20.000.000 đồng của các hộ bán cây tràm bên bờ kênh mà không có chứng cứ chứng minh, không hợp lý vì phần cây đang tranh chấp được bà bán 145.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào trình bày của người bị kiện, không xem xét lời trình bày của bà là không khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của người khởi kiện, cụ thể đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại, vì cho rằng:

Nguồn gốc đất bờ kênh nơi trồng cây tràm là được cha mẹ bà dẫn đến và nói là của cha mẹ bà, thừa nhận không có đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thừa nhận việc thấy người khác khai thác cây để bán mà không bị ai ngăn cản nên làm theo. Từ đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên quan điểm đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Toàn bộ phần diện tích cây tràm bà N đã bán cho ông M thuộc một phần thửa ký hiệu T1, tờ bản đồ số 31, diện tích 11.031,5 m^2 là phần đất bờ kênh và con kênh do UBND xã quản lý. Việc bà N tự ý khai

thác và bán cho ông M là vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bà N không xuất trình được chứng cứ, tài liệu mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của người bị kiện là hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng: Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chủ tịch UBND huyện B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Xét thấy, tại đơn khởi của bà N và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện toàn bộ số cây tràm bà N trồng trên bờ kênh thuộc thửa T1, tờ bản đồ số 31 do UBND xã L quản lý. Thừa nhận nguồn gốc đất bờ kênh nơi trồng cây tràm là được cha mẹ bà dẫn đến và nói là của cha mẹ bà N; thừa nhận không có đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thừa nhận việc thấy người khác khai thác cây để bán mà không bị ai ngăn cản nên làm theo. Lời trình bày này phù hợp với biên bản thẩm định ngày 04/8/2023. Như vậy có cơ sở xác định, số cây tràm bà N UBND xã L thu giữ ngày 28/3/2022 và số cây tràm bà N yêu cầu được tiếp tục khai thác là tài sản trên bờ kênh thuộc thửa T1, tờ bản đồ số 31 do UBND xã L quản lý.

[2.2] Bà N trình bày, toàn bộ số cây tràm trên bờ kênh T1 này là của bà N do bà N trồng từ năm 2017. Phía UBND xã L cho rằng số cây tràm mọc trên bờ kênh là do phân tán, không phải của bà N trồng. Phía bà N thừa nhận đất là bờ kênh của nhà nước, không có chứng cứ chứng minh việc trồng cây và khi trồng không có ý kiến của UBND xã L. Do đó, không có cơ sở để xác định sô cây tràm UBND xã L thu giữ ngày 28/3/2022, ngày 29/3/2022; số cây tràm còn lại trên bờ bề kênh T1 đoạn giáp thửa 7, 9, 11 đất của bà N là tài sản của bà N. Vì vậy, UBND xã L không chấp nhận trả số gỗ tràm cho bà N và không đồng ý cho bà N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại trên bờ kênh là có căn cứ.

[2.3] Ngày 26/9/2022, bà Lê Thị N có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã L, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu về việc yêu cầu UBND trả số gỗ tràm đã thu giữ và cho bà N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại trên bờ kênh. Ngày 14/10/2022, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số

163/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của bà N. Không đồng ý với Quyết định 163, bà N đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. Ngày 14/3/2023, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà N. Việc ban hành Quyết định 163 của Chủ tịch UBND xã L và Quyết định 509 của Chủ tịch UBND huyện B để giải quyết khiếu nại của bà N là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Luật khiếu nại và không chấp nhận khiếu nại của bà N là có cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Ý kiến của người bị kiện được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị N về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả lại số cây tràm bị thu giữ;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân không cản trở bà Lê Thị N tiếp tục khai thác số cây tràm còn lại.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà N phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000096 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt